

**GỢI Ý CÁC XÉT NGHIỆM - CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM DÒ CHỨC NĂNG TỐI THIỂU CẦN LÀM CHO MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

STT	TÊN BỆNH	CÁC CLS CẦN THIẾT ĐỂ CHẨN ĐOÁN
1	Áp xe phổi	- Công thức máu, CRP. - GOT, GPT, Ure, Creatinin. - Điện giải đồ. - X-quang phổi, CT Scan phổi. - Nhuộm soi trực tiếp và nuôi cấy vi khuẩn từ đờm, dịch phế quản hoặc mủ ổ áp xe. Cấy máu khi sốt > 38,5°C. Làm kháng sinh đồ nếu thấy vi khuẩn.
2	Áp xe thực quản cổ	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - SGOT, SGPT, Đường huyết, Ure, Creatinin, CRP. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng, cổ nghiêng. - CT- Scan: cổ ngực - Siêm âm vùng cổ. - Điện tim.
3	Băng huyết sau sanh	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, VSS. - Định nhóm máu ABO, Rh(D). - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Fibrinogen.
4	Bệnh đái tháo đường thai kỳ	- Nghiệm pháp dung nạp đường - HbA1c. - Hóa sinh máu: Đường máu, Ure, Creatinin, SGOT, SGPT, Điện giải đồ. - Tổng phân tích nước tiểu. - Điện tim. - Siêu âm thai.

5	Bệnh tim thiếu máu cục bộ (đau thắt ngực ổn định)	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Ure, Creatinin, Điện giải đồ, Troponin T, tổng phân tích nước tiểu, đạm niệu, đường huyết, bộ mỡ máu. - XQ tim phổi. - Troponin T. - Siêu âm tim. - Điện tim. - Điện tim gắng sức. - Chụp MSCT mạch vành.
6	Bướu giáp (bướu giáp bình giáp và bướu giáp nhân)	- Xét nghiệm chức năng tuyến giáp: TSH, FT4, FT3 hoặc T3. - Điện giải đồ. - Xét nghiệm kháng thể: Antitpo nên được đo ở những bệnh nhân có mức TSH tăng. Antitpo tăng gợi ý viêm giáp Hashimoto. Đôi khi bướu giáp nhân có thể là biểu hiện của viêm giáp Hashimoto. - Siêu âm đàn hồi mô tuyến giáp. - Chọc sinh thiết tế bào. - CT Scan tuyến giáp. - Xạ hình tuyến giáp.
7	Chấn thương đụng dập mi mắt, nhân cầu	- Tổng phân tích tế bào máu
8	Cơn đau quặn thận	- Tổng phân tích tế bào máu, Ure, Creatinin, Điện giải đồ, CRP. - X Quang hệ tiết niệu. - Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm bụng tổng quát. - CT có cản quang hoặc không có cản quang (nếu cần).
9	Cơn đau thắt ngực	- Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu, đông máu. - Chụp XQ tim phổi. - Sinh hóa: Urê, Creatinine, Glucose, Điện giải đồ, SGOT, SGPT, định lượng Lactate, Troponin, Pro-BNP, Cholesterol, Triglycerid, HDL, LDL. - CK-MB - Điện tim (ECG), ECG gắng sức. - Chụp CT Scan động mạch vành.

10	Con nhịp nhanh trên thất	- Điện tâm đồ. - Siêu âm tim. - X quang phổi. - Tổng phân tích tế bào máu. - XN đông máu cơ bản. - Ure, Creatinin, Glucose, Cholesterol, HDL, LDL, Triglycerid. - Điện giải đồ. - Xét nghiệm nước tiểu.
11	Cường giáp	- Xét nghiệm chức năng tuyến giáp: TSH, FT4, FT3 hoặc T3. - Xét nghiệm kháng thể thụ thể TSH (TRAB) huyết tương. - Đường huyết, điện giải đồ, Cholesterol toàn phần, HDL, LDL, AST, ALT, phosphatase kiềm. - Siêu âm tuyến giáp. - Điện tâm đồ. - Siêu âm tim.
12	Đái tháo đường	- Glucose máu: mỗi lần khám - HbA1c: mỗi 3 tháng hoặc khi nhập viện không có thông số tham khảo của những lần khám trước. - Công thức máu: 3- 6 tháng, tùy tình trạng người bệnh. - Ure: xét nghiệm mỗi lần khám. - Creatinin: xét nghiệm lần khám đầu, làm lại mỗi năm hoặc theo yêu cầu lâm sàng. - ALT, AST: xét nghiệm mỗi lần khám. - Điện giải đồ, GGT, Albumin/Protein: tùy tình trạng người bệnh. - Acid Uric: tùy tình trạng người bệnh: suy thận, gút mạn, viêm khớp... - ABI, CK, CKMB, BNP, PRO-BNP: tùy tình trạng người bệnh - Lipid máu: 1 - 2 tháng/lần, tùy tình trạng người bệnh. - Tổng phân tích nước tiểu: mỗi lần khám. - MAU/Creatinin niệu: 3- 6 tháng/lần.

		- Điện tim, X - Quang ngực: 1 - 2 tháng/lần, tùy tình trạng người bệnh. - Siêu âm ổ bụng: 3 - 6 tháng/lần, tùy tình trạng người bệnh. - Siêu âm tim, Doppler mạch: tùy tình trạng người bệnh. - Khám răng hàm mặt: 3 - 6 tháng/lần, tùy tình trạng người bệnh. - Khám đáy mắt: 3 - 6 tháng/lần, tùy tình trạng người bệnh. - Các xét nghiệm khác: tùy tình trạng người bệnh.
13	Đau ngực	- Điện tâm đồ. - X-quang tim phổi. - Xét nghiệm máu: CK, CK- MB, Troponin I, khi có nghi ngờ cơn đau thắt ngực, nhồi máu cơ tim. Xét nghiệm định lượng D-Dimer khi nghi ngờ nhồi máu phổi. - Điện giải đồ. - Khí máu động mạch. - Siêu âm tim. - Chụp CT lồng ngực.
14	Đẻ một thai tự nhiên	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser). - định nhóm máu ABO, Rh(d). - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin. - HIV, HBsAg test nhanh. - Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn). - Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa.

15	Dọa đẻ non – đẻ non	- Siêu âm thai, rau, ối. - Monitoring sản khoa. - Tổng phân tích tế bào máu, định nhóm máu ABO, Rh. - HIV, HBsAg, HCV (khi có nghi ngờ phơi nhiễm). - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, Bilirubin, Glucose, điện giải đồ, Acid Uric, CRP. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, yếu tố I. - Tổng phân tích nước tiểu. - Điện tim (khi có chỉ định can thiệp phẫu thuật, thủ thuật).
16	Dọa sảy thai, sảy thai	- βHcg - Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định nhóm máu ABO, Rh. - Xét nghiệm đông máu: APTT, PT, Fibrinogen. - HIV, HBsAg test nhanh. - Hóa sinh: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, CRP, Đường Máu, Điện Giải Đồ. - Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm tử cung, phần phụ.
17	Đợt cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	- Huyết học: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, - Sinh hóa: Urê, Creatinine, Glucose, điện giải đồ, SGOT, SGPT, Lactate, CRP. - X quang ngực - Xét nghiệm đàm: soi tươi, nhuộm gram, cấy đàm (tìm vi khuẩn, AFB). - Khí máu động mạch và SPO2 . - NT-proBNP (nếu nghi ngờ có kèm suy tim). - Siêu âm Doppler tĩnh mạch 2 chi dưới. - Điện tim. - Siêu âm tim Doppler màu. - Đo chức năng hô hấp. - CLVT ngực lớp mỏng 1mm độ phân giải cao.

18	Đục nhân tuổi già	- Siêu âm dịch kính, võng mạc. - Siêu âm tính trục nhãn cầu, siêu âm tính công suất thủy tinh thể. - Đo khúc xạ. - X quang tim phổi. - Điện tâm đồ. - Tổng phân tích tế bào máu. - Xét nghiệm đông - cầm máu. - Sinh hoá: Ure, Creatinin, Protein, SGOT, SGPT, Glucose. - Điện giải đồ, mỡ máu. - Tổng phân tích nước tiểu.
19	Đục thủy tinh thể người già	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, đường huyết, siêu âm nhãn, cầu, điện tâm đồ.
20	Đứt lệ quản dưới	- Tổng phân tích tế bào máu.
21	Gãy cổ xương đùi	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê, Creatinine, Glucose, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi (XQ ngực thẳng). - Điện tim (ECG), Siêu âm tim. - Chụp CT Scanner khớp háng.
22	Gãy hai mắt cá xương cẳng chân	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê, Creatinine, Glucose, điện giải đồ, SGOT, SGPT. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi (XQ ngực thẳng). - Điện tim (ECG). - CT Scanner.
23	Gãy xương gò má cung tiếp	- Chụp CT Scanner hàm mặt. - X Quang Blondeau - Hirtz. - Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu, Urê máu, Creatinine, Glucose, điện giải đồ, SGOT, SGPT. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).

24	Gãy liên mấu chuyển xương đùi	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang ngực. - Điện tim (ECG). - Siêu âm tim. - Chụp CT Scanner khớp háng.
25	Gãy mâm chày	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang. - Điện tim (ECG). - CT Scanner.
26	Gãy monteggia xương cẳng tay, gãy galeazzi xương cẳng tay	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang vị trí gãy, X Quang phổi. - CT Scanner vị trí gãy. - Điện tim (ECG).
27	Gãy thân hai xương cẳng tay	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang vị trí gãy, X Quang phổi. - CT Scanner vị trí gãy. - Điện tim (ECG).
28	Gãy thân xương cánh tay	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang. - Điện tim (ECG). - Chụp CT Scanner cánh tay.

29	Gãy thân xương chày	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang. - Điện tim (ECG). - CT Scanner.
30	Gãy thân xương đùi	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang. - Điện tim (ECG).
31	Gãy trên lồi cầu xương cánh tay	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu ABO, Rh, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - X Quang. - Điện tim (ECG). - chụp CT Scanner cánh tay.
32	Gãy xương chính mũi	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - XQ: mũi nghiêng
33	Gãy xương đòn	- X Quang xương đòn - lồng ngực. - Tổng phân tích tế bào máu, nhóm máu ABO-Rh. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, Glucose, điện giải đồ. - Tổng phân tích nước tiểu. - Điện tim. - X Quang.
34	Gãy xương hàm dưới	- Chụp CT Scanner hàm mặt. - Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, Điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi, X Quang răng toàn cảnh. - Điện tim (ECG).

35	Glôcoma cấp	- Tổng phân tích tế bào máu.
36	Gút	- Acid uric máu, định lượng acid uric niệu 24 giờ - CTM, tốc độ lắng máu, CRP, Ure, Creatinin, Cholesterol, ALT, AST, tổng phân tích nước tiểu. - Điện giải đồ. - X quang khớp.
37	Hạt dây thanh	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - SGOT, SGPT, Đường huyết, Ure, Creatinin. - XQ tim phổi thẳng. - Tổng phân tích nước tiểu. - Điện tim.
38	Hen	- Tổng phân tích tế bào máu. - Ure, Creatinin, điện giải đồ, CRP. - Đo chức năng hô hấp. - Tổng phân tích nước tiểu, đạm niệu. - Đường huyết, bộ mỡ máu. - ECG. - XQ ngực. - CLVT. - Siêu âm tim, siêu âm màng phổi.
39	Hen phế quản	- Tổng phân tích tế bào máu, CRP, Glucose. - X Quang ngực. - Khí máu động mạch. - Xét nghiệm đàm: chỉ định trong trường hợp có bội nhiễm phổi. - Đo chức năng hô hấp. - Điện giải đồ. - ECG. - Đo nồng độ Theophylline nếu cần.

40	Hội chứng mạch vành cấp không ST chênh lên	- ECG. - Men tim: Troponin I, T, CK MB. - X Quang ngực. - Siêu âm tim. - Các xét nghiệm khác: Cholesterol toàn phần, HDL, LDL, Triglycerides, Glucose Lúc Đói, ALT, AST, GGT, BUN, Creatinine, điện giải đồ. - Tổng phân tích nước tiểu (protein niệu).
41	Hội chứng phụ thuộc rượu	- Hoá sinh máu: SGOT, SGPT, GGT, điện giải đồ, đường máu, Protein, Albumin, CPK, Ure, Creatinin. - Tổng phân tích tế bào máu. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, yếu tố I. - Siêu âm ổ bụng. - Điện tim.
42	Hội chứng suy nút xoang, nhịp chậm xoang	- Huyết học: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, sinh hóa: Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT. - Khí máu động mạch. - Chụp XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).
43	Hội chứng thận hư	- Tổng phân tích tế bào máu. - Đường huyết, BUN, Creatinin, Ure, Điện Giải Đồ, AST, ALT, PT, APTT, Fibrinogen, INR, Protid Máu, Albumin, Điện di Protein, Cholesterol, HDL, LDL, Triglyceride máu. - Siêu âm bụng. - Siêu âm tim. - X quang phổi. - Tổng phân tích nước tiểu. - Định lượng đạm niệu 24 giờ .
44	Khó thở	- Spo2, khí máu động mạch. - X-quang phổi. - Điện tim. - Công thức máu, tổng phân tích nước tiểu, điện giải đồ, Glucose. - Siêu âm tim.
45	Lao phổi	- Nhuộm soi trực tiếp tìm AFB.

		- Xét nghiệm PCR đờm hoặc dịch phế quản tổng phân tích tế bào máu, VSS; Xét nghiệm HIV. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, GOT, GPT, điện giải đồ, Glucose, CRP. - Tổng phân tích nước tiểu. - Chụp X Quang phổi. - Chụp phổi cắt lớp. - Đo chức năng hô hấp. - Điện tim.
46	Loãng xương	- Tổng phân tích tế bào máu. - Đường huyết, Creatinin, điện giải đồ, AST, ALT tốc độ máu lắng, CRP, Protid máu, Albumin. - Tổng phân tích nước tiểu. - X Quang phổi, cột sống ngực, thắt lưng, các vị trí khác (tùy trường hợp). - Đo mật độ xương – phương pháp đo hấp thụ tia X năng lượng kép (DEXA) tại vùng đầu trên xương đùi và cột sống thắt lưng.
47	Loét dạ dày - tá tràng	- Nội soi dạ dày - tá tràng làm clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, SGOT, SGOP, điện giải đồ, GGT, Amylase, CRP. - Tổng phân tích tế bào máu. - Siêu âm ổ bụng.
48	Mổ lấy thai	- Tổng phân tích tế bào máu. - Định nhóm máu ABO, Rh. - Đông máu, SGOT, SGPT, ure, creatinin, glucose. - HIV, HBsAg test nhanh. - Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn). - Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng Monitor sản khoa.
49	Mộng thịt	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, ABO

50	Nang xương hàm	- Chụp CT Scanner hàm mặt. - X quang răng toàn cảnh. - Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).
51	Nhiễm trùng đường mật	- Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang). - Điện tim thường. - Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi định lượng creatinin, urê, CRP, lactat, điện giải đồ (NA, K, Cl), ALT, AST, định lượng Billirubin (trực tiếp, toàn phần). - Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng (có thuốc).
52	Nhiễm trùng huyết	- Huyết học: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, sinh hóa: Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu, định lượng Lactate, CRP, định lượng Billirubin (trực tiếp, toàn phần). - Điện giải đồ (NA, K, Cl) máu. - Khí máu động mạch. - Cây máu, cây đàm, cây dịch (nếu có). - Siêu âm bụng. - Chụp XQ tim phổi. - Điện tim (ECG). - Tổng phân tích nước tiểu.
53	Nhiễm trùng tiểu, viêm bàng quang.	- Tổng phân tích tế bào máu, Ure, Creatinin, điện giải đồ, tổng phân tích nước tiểu, CRP. - Siêu âm bụng TQ.

54	Nhồi máu cơ tim cấp	- Troponin T, CK, CK-MB. - Điện tim. - Siêu âm tim. - Chụp động mạch vành. - X Quang tim phổi. - NT-proBNP. - Urê, Creatinin, SGOT, SGPT, Glucose, Cholesterol, HDL-ch, LDL-ch, Triglycerid, điện giải đồ, CRP hs. - Tổng phân tích tế bào máu, XN đông máu tổng phân tích nước tiểu.
55	Nhồi máu não	- Chụp cắt lớp vi tính sọ não. - Chụp cộng hưởng từ não. - Siêu âm doppler xuyên sọ. - Siêu âm tim: khi nghi ngờ huyết khối từ tim gây tắc mạch. - Chụp XQ ngực cũng có ích trong đột quy cấp, tuy nhiên không được làm ảnh hưởng đến thời gian chỉ định thuốc tiêu sợi huyết. - Chỉ nên xét nghiệm cấp các thông số như đường máu, đông máu cơ bản (nếu bệnh nhân đang dùng Heparin, Warfarin, hoặc các thuốc chống đông trực tiếp), công thức máu, sinh hóa máu cơ bản. Các chỉ định xét nghiệm khác tùy thuộc vào lâm sàng của từng người bệnh: - Troponin tim: để phát hiện nhồi máu cơ tim không ST chênh. - Xét nghiệm độc chất: khi nghi ngờ bệnh nhân có triệu chứng giả đột quy và để phát hiện chất gây cường giao cảm (Cocain) có thể gây đột quy. - Xét nghiệm Lipid máu lúc đói. - Máu lắng. - Thử thai. - Kháng thể kháng nhân. - Yếu tố dạng thấp. - Nồng độ Homocystein máu. - Xét nghiệm giang mai (RPR)

56	Nhóm bệnh cơ xương khớp	- Tổng phân tích tế bào máu. - Sinh hóa máu: Ure, Glucose, Creatinin, Acid Uric, GOT, GPT, Cholesterol, Triglycerid, CRP, điện giải đồ, VSS. - Siêu âm khớp. - X Quang khớp. - Đo mật độ loãng xương. - Chụp CT khớp.
57	Ởi vỡ sớm	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định nhóm máu ABO, Rh(d). - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Glucose. - HIV ab, HBsAg test nhanh. - Tổng phân tích nước tiểu . - Siêu âm thai nhi, theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa.
58	Quai bị	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Amylase máu. - Amylase nước tiểu. - CRP phản ứng. - Siêu âm bụng. - Siêu âm tuyến mang tai. - Siêu âm tinh hoàn.
59	Quặm và lông xiêu mĩ mắt	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, đông máu, ABO
60	Răng khôn mọc lệch, ngầm	- X-quang răng toàn cảnh. - Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu, glucose máu.
61	Rối loạn chức năng tiền đình	- CT Scanner. - Điện não. - Điện tim. - Tổng phân tích tế bào máu, PT, Ure, Creatinine. - Sinh hoá máu: Creatinin, đường máu, điện giải đồ.

62	Rối loạn chuyển hóa lipid máu	- Cholesterol toàn phần, HDL, LDL, Triglycerides, và CRP. - Glucose lúc đói - Men gan ALT, AST, GGT, BUN, Creatinine, điện giải đồ, TSH. - Tổng phân tích nước tiểu (protein niệu) - ECG
63	Rung nhĩ	- Tổng phân tích tế bào máu. - Ure, Creatinin, điện giải đồ, INR. - Tổng phân tích nước tiểu, đạm niệu. - Đường huyết, bộ mỡ máu. - ECG. - XQ tim ngực. - Siêu âm tim.
64	Sa sinh dục nữ	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định nhóm máu ABO, Rh(d). - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Glucose. - HIV ab, HBsAg test nhanh. - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động). - Điện tim thường. - Chụp Xquang ngực thẳng. - Siêu âm ổ bụng.
65	Sản giật – tiền sản giật	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định nhóm máu ABO, Rh. - XN đông máu - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Acid Uric, Bilirubin toàn phần, Bilirubin trực tiếp, Glucose. - HIV ab, HBsAg test nhanh - Tổng phân tích nước tiểu - Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung) - Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa. - Soi đáy mắt (nếu có thể).
66	Sản phụ chờ đẻ	- Công thức máu, nhóm máu: ABO, Rh, HIV, viêm gan B và viêm gan C, giang mai.

		- Đông máu. - Sinh hóa máu: Glucose, Creatinin, GOT, Cholesterol, Triglycerid, Bilirubin TT, Bilirubin TP, Albumin, Cholesterol. - Xét nghiệm nước tiểu. - Điện tim. - Siêu âm thai.
67	Sâu ngà	- X-Quang răng toàn cảnh.
68	Shock nhiễm trùng	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu. - Urê máu, creatinine huyết thanh, gluocse máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu, định lượng lactate, CRP, định lượng bilirubin (trực tiếp, toàn phần). - Khí máu động mạch. - Cây máu, cây đàm, cây dịch. - Siêu âm bụng, siêu âm tim. - Chụp XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).
69	Shock tim	- Huyết học: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, sinh hóa: Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, định lượng Lactate, Troponin, PRO- bnp, CK-MB, Cholesterol, Triglycerid, HDL, LDL. - Khí máu động mạch. - Chụp XQ tim phổi. - Điện tim (ECG), siêu âm tim.
70	Sởi	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, GOT, GPT, CRP. - Xquang phổi.
71	Sởi bồng quang	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu, CRP. - Siêu âm bụng. - Chụp XQ tim phổi, hệ tiết niệu. - Điện tim (ECG).

		- Chụp CT Scanner bụng chậu không cản quang có cản quang.
72	Sỏi niệu đạo	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, tổng phân tích nước tiểu, CRP. - Siêu âm bụng. - Chụp XQ tim phổi, hệ tiết niệu. - Điện tim (ECG). - Chụp CT Scanner bụng chậu không cản quang có cản quang.
73	Sỏi niệu quản	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, CRP, tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm bụng. - Chụp XQ hệ tiết niệu. - Điện tim (ECG). - Chụp CT Scanner hệ tiết niệu không cản quang/có cản quang.
74	Sỏi thận	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, CRP, tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm bụng. - Chụp XQ tim phổi, hệ tiết niệu. - Điện tim (ECG). - Chụp CT Scanner bụng chậu không cản quang/có cản quang.
75	Sỏi túi mật	- Siêu âm ổ bụng. - X Quang ổ bụng. - Tổng phân tích tế bào máu, nhóm máu ABO-Rh. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, Glucose, điện giải đồ, CRP, SGOT, SGPT, Bilirubin TP, Bilirubin TT, Cholesterol, Trilyceride. - CA 125, CA 199. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT. - Tổng phân tích nước tiểu. - Chụp X Quang tim phổi.

		- Điện tim. - Chụp CT Scanner ổ bụng có thuốc.
76	Sốt siêu vi	- Công thức máu, điện giải đồ. - CRP, AST (GOT), ALT (GPT). - Siêu âm bụng. - X-quang phổi.
77	Sốt xuất huyết dengue	- Tổng phân tích tế bào máu. - Sinh hóa máu: Ure, Glucose, Creatinin, GOT, GPT, Cholesterol, Triglycerid, điện giải đồ, CRP, GGT, đông máu cơ bản. - Dengue virus NS1Ag test nhanh. - Dengue virus IGM/IGG test nhanh. - AST (GOT), ALT (GPT), Ure máu, Creatinin máu. - CRP phản ứng. - Siêu âm ổ bụng. - X Quang tim phổi.
78	Sụp mí trên da thừa mí trên	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, ABO.
79	Suy giáp ở người lớn	- Huyết đồ, điện giải đồ. - Điện tim. - Sinh hóa: Cholesterol, Trilyceride, CKP, LDH, TSH, T3, T4. - Iode 131. - Kháng thể: TPO-ab, TgAb. - Siêu âm tuyến giáp. - MRI, CT Scanner sọ não.
80	Suy thận mạn, suy thận cấp.	- Tổng phân tích tế bào máu, protein máu. - Ure, Ureatinin, điện giải đồ, tổng phân tích nước tiểu, CRP. - Siêu âm bụng, XQ tim phổi, UIV.
81	Suy tim cấp	- Các xét nghiệm nên làm: điện tim, siêu âm tim, Troponin, peptide bài niệu (BNP hoặc NT-PRObnp), Creatinin, điện giải đồ và tình trạng sắt huyết thanh. - TSH, chức năng gan, D-dimer khi nghi ngờ tắc động mạch phổi và Procalcitonin khi nghi ngờ nhiễm trùng. - Khí máu động mạch nếu có suy hô hấp và Lactate máu nếu có giảm tưới máu cơ quan.

		- Các xét nghiệm cần nhắc chỉ định gồm: X-Quang tim phổi thẳng, siêu âm phổi.
82	Suy tim mạn	- Các peptide bài niệu. - Điện tim, Siêu âm tim. - Chụp X-Quang tim phổi. - Công thức máu, Urê, Creatinine, điện giải đồ, Bilan. - Đánh giá chức năng gan, Lipid máu, tuyến giáp... - Nghiệm pháp gắng sức (thuốc, thể lực).
83	Tắc ruột	- Công thức máu, điện giải đồ, Ure, Creatinine, Glucose, SGOT, SGPT, Albumin, nước tiểu 10 thông số. Amylase, CRP. - Siêu âm bụng. - X-Quang bụng, ngực. - Chụp CT Scanner ổ bụng.
84	Tâm phế mạn	- Điện tâm đồ. - X-Quang phổi thẳng. - Siêu âm tim. - Công thức máu. - Đo chức năng hô hấp. - Khí máu động mạch.

85	Tăng huyết áp	- Xét nghiệm thường quy: + Sinh hóa máu: đường máu khi đói; thành phần Lipid máu (Cholesterol toàn phần, HDL-c, LDL-c, Triglycerid); điện giải máu (đặc biệt là Kali); Axít Uric máu; Creatinine máu. + Huyết học: Hemoglobin and Hematocrit. + Phân tích nước tiểu (Albumine niệu và soi vi thể). + Điện tâm đồ. - Xét nghiệm nên làm (nếu có điều kiện): + Siêu âm Doppler tim + Siêu âm Doppler mạch cảnh. + Định lượng protein niệu (nếu que thử protein dương tính). + Chỉ số huyết áp mắt cá chân/cánh tay (ABI: ankle brachial index). + Soi đáy mắt. + Nghiệm pháp dung nạp glucose. + Theo dõi huyết áp tự động 24 giờ (holter huyết áp). + Đo vận tốc lan truyền sóng mạch ... - Xét nghiệm khi đã có biến chứng hoặc để tìm nguyên nhân: + Định lượng Renin, Aldosterone, Corticosteroids, Catecholamines máu/niệu. + Chụp động mạch. + Siêu âm thận và thượng thận. + Chụp cắt lớp, cộng hưởng từ ...
86	Tăng huyết áp thai kỳ	- Tổng phân tích nước tiểu siêu âm thai, rau, ối. - Tổng phân tích tế bào máu, định nhóm máu ABO, Rh. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, Fibrinogen. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, Bilirubin, Glucose, điện giải đồ, Acid Uric. - Điện tim. - Siêu âm tim. - Monitor sản khoa

87	Tăng sinh tuyến tiền liệt	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, PSA tự do. PSA toàn phần, tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm bụng. - XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).
88	Tăng sinh tuyến tiền liệt	- Siêu âm tuyến tiền liệt. - Tổng phân tích tế bào máu. - Tổng phân tích nước tiểu. - PSA.
89	Tay chân miệng	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định lượng glucose, điện giải đồ (Na, K, Cl), CRP. - Chụp XQuang ngực thẳng đối với các trường hợp có biến chứng từ độ 2B. - Xét nghiệm khí máu khi có suy hô hấp. - Định lượng Troponin I khi nhịp tim nhanh ≥ 150 lần/phút, nghi ngờ viêm cơ tim hoặc sốc. - Định lượng Lactat, thời gian prothrombin, Thromboplastin. - Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy): chỉ thực hiện khi có điều kiện và khi cần chẩn đoán phân biệt với các bệnh lý ngoại thần kinh.
90	Thai chết lưu	- HCG. - Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi . - Định nhóm máu ABO, Rh. - Xét nghiệm đông máu: APTT, PT, Fibrinogen. - HIV ab test nhanh, HBsAg test nhanh. - Hóa sinh: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, CRP, đường máu, điện giải đồ. - Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm thai.

91	Thai ngoài tử cung	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định nhóm máu ABO, Rh(d). - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Glucose. - HIV ab, HBsAg test nhanh. - Định lượng Beta HCG (máu). - Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm tử cung, phần phụ.
92	Thoái hóa khớp	- X Quang khớp, đo mật độ loãng xương. - Siêu âm khớp. - Tổng phân tích tế bào máu, CRP. - Hoá sinh máu: Ure, Creatinin, SGOT, SGPT, Glucose. - Xét nghiệm dịch khớp (nếu cần).
93	Thoái hóa tủy	- X-quang răng toàn cảnh.
94	Thoát vị bẹn	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT. - Siêu âm bụng, SA Doppler bìu tinh hoàn. - XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).
95	Thoát vị đĩa đệm cột sống	- X Quang cột sống. - CT Scanner. - Sinh hoá máu: Creatinin, Glucose, SGOT, SGPT. - Tổng phân tích tế bào máu.
96	Thùng dạ dày	- Xét nghiệm: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, Amylase. - Siêu âm bụng. - Chụp X Quang bụng đứng. - XQ tim phổi. - Điện tim (ECG). - CT Scan ổ bụng có thuốc.

97	Thương hàn	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser). - CRP, AST (GOT), ALT (GPT), Ure máu, Creatinin máu. - Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường. - Điện giải đồ (Na,K,Cl) máu. - Siêu âm bụng tổng quát. - Điện tim thông thường.
98	Thùy đậu và zona	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - CRP phản ứng, GOT, GPT, Ure, Creatinin, Glucose. - Xquang phổi.
99	Tiêu chảy cấp	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, tổng phân tích nước tiểu. - Điện giải đồ. - Định lượng Ure, Creatinin, Glucose, GOT, GPT, CRP. - Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi. - Xét nghiệm phân: + Soi phân: tìm xem có hồng cầu, bạch cầu, các đơn bào ký sinh, nấm, trứng ký sinh trùng... + Cấy phân tìm vi khuẩn gây bệnh siêu âm bụng. - Siêu âm bụng.
100	Tiêu chảy nhiễm trùng	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định lượng Ure, Creatinin, Glucose, CRP. - Điện giải đồ (Na,K,Cl) máu. - Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi. - Siêu âm bụng.
101	Tổn thương nội so	- Huyết học: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, sinh hóa: Ure máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT. - Khí máu động mạch. - Chụp XQ tim phổi. - Điện tim (ECG). - CT Scan sọ não. - Huyết học: tổng phân tích tế bào.

102	Tràn dịch màng tinh hoàn	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, CRP. - Siêu âm bụng, SA Doppler bìu tinh hoàn. - XQ tim phổi. - Điện tim (ECG).
103	Trĩ	- Xét nghiệm: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, CRP. - Siêu âm bụng, siêu âm doppler mạch máu. - XQ tim phổi, khung chậu. - Điện tim (ECG). - Nội soi đại trực tràng.
104	U cơ trơn tử cung	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser). - Định nhóm máu ABO, Rh(d). - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Glucose. - HIV ab, hbsag test nhanh. - Tổng phân tích nước tiểu. - Điện tim thường. - Chụp xquang ngực thẳng (số hóa 1 phim). - Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang). - Chụp CTscanner bụng - tiểu khung.
105	U lành buồng trứng	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định nhóm máu ABO, Rh(d). - CA 125. - Đông máu. - SGOT, SGPT, Ure, Creatinin, Glucose. - HIV ab, HbsAg test nhanh. - Tổng phân tích nước tiểu. - Điện tim thường. - Chụp X quang ngực thẳng. - Chụp CTscanner bụng - tiểu khung. - Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang).

		- Xét nghiệm mô bệnh học thường qui cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm ... Các bệnh phẩm sinh thiết.
106	U mi và ký sinh trùng mi ở mi mắt	- TPTTBM, đông máu, ABO.
107	U mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Glucose máu. - Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt.
108	U nang buồng trứng	- Công thức máu, nhóm máu: ABO, Rh HIV, viêm gan B và viêm gan C, giang mai sinh hóa máu: Glucose, Creatinin, GOT, Cholesterol, Triglycerid, Bilirubin TT, Bilirubin TP, Albumin, Cholesterol. - CA 125. - Xét nghiệm nước tiểu. - Siêu âm tử cung phần phụ. - Chụp X quang tim phổi thẳng. - Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy.
109	U nang giáp móng	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin, T3, T4, FT3, FT4, TSH. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tìm phổi thẳng. - Siêu âm tuyến giáp. - Điện tim. - Chụp cắt lớp vi tính tuyến giáp.
110	U xơ tiền liệt tuyến	- CTM, Ure, Creatinine, Glucose, nước tiểu 10 thông số, PSA. - Siêu âm tiền liệt tuyến, siêu âm ổ bụng Cholesterol toàn phần, HDL-cholesterol, LDL-cholesterol, Triglycerides lúc đói. - Chụp CTscanner bụng - tiểu khung.
111	U xơ tử cung	- Soi cổ tử cung. - Xét nghiệm Thinprep PAP test tổng phân tích tế bào máu, VSS, nhóm máu ABO – Rh. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, Fibrinogen, độ tập trung tiểu cầu. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, đường máu, điện giải, SGPT/SGOT.

		- Tổng phân tích nước tiểu. - Siêu âm sản. - Chụp CTscanner bụng - tiểu khung.
112	U xơ tử cung (cần phẫu thuật)	- Công thức máu, nhóm máu: ABO, Rh, HIV, viêm gan B và viêm gan C, giang mai. - Sinh hóa máu: Glucose, Creatinin, GOT, Cholesteron, Triglycerid, Bilirubin TT, Bilirubin TP. - Albumin, Cholesterol. - Xét nghiệm nước tiểu. - Siêu âm tử cung phần phụ. - Chụp X Quang tim phổi thẳng. - Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy. - Soi cổ tử cung.
113	Ung thư vú	- X-Quang tuyến vú. - Chọc hút tế bào bằng kim nhỏ/sinh thiết. - Siêu âm vú. - Tổng phân tích tế bào máu, nhóm máu ABO-Rh. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, Fibrinogen. - Hóa sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, Bilirubin, Glucose, Điện giải đồ, Calci. - Ion hóa. - Tổng phân tích nước tiểu.
114	Uốn ván	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, SGOT, SGPT, Creatinin, điện giải đồ. - CRP phản ứng. - X Quang ngực thẳng .
115	Vàng da	- Công thức máu. - Sinh hóa máu: Bilirubin TT, bilirubin TP, chức năng gan, thận, CRP. - Đông máu. - Siêu âm ổ bụng.

116	Vẹo vách ngăn	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng. - Blondeau, Hirtz. - Điện tim.
117	Viêm amidan cấp	- Nội soi tai mũi họng. - Tổng phân tích tế bào máu. - Sinh hóa: Ure, Creatinin, SGOT, SGPT, Protein, Albumin, điện giải đồ, CRP. - Tổng phân tích nước tiểu. - X-quang tim phổi.
118	Viêm amydan mạn tính	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng. - Điện tim.
119	Viêm đa khớp	- X quang khớp cổ tay, bàn ngón tay, khuỷu tay, gối, cổ chân, bàn ngón chân, cột sống cổ, cột sống thắt lưng. - Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm. - Siêu âm khớp gối. - RF (rheumatoid factor). - Anti CCP. - Phản ứng CRP. - Tốc độ lắng máu, AST, ALT, Creatinin, Acid uric. - Tổng phân tích máu. - Đo độ loãng xương.
120	Viêm đa xoang	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin, CRP. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng. - Blondeau, Hirtz hoặc CT-Scan (mũi xoang). - Điện tim.

121	Viêm gan do rượu	- Siêu âm. - Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy. - Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Định lượng Glucose, Albumin, Protein toàn phần, Urê máu, Creatinin, điện giải (NA, K, Cl), ALT, AST, GGT, Bilirubin trực tiếp, gián tiếp, toàn phần. - Điện tim thường.
122	Viêm gan siêu vi A	- Tổng phân tích tế bào máu. - AST, ALT, Ure, Creatinin. - Bilirubin T, D, I. - Anti HAV (IGG, IGM). - PT, APTT, Fibrinogen, INR. - Siêu âm bụng.
123	Viêm gan siêu vi B	- HBsAg, HBeAg. - AFP. - IGM anti HBC. - Viêm gan siêu vi B. - GTT, AST, ALT. - Ure, Creatinin - Bilirubin toàn phần, Bilirubin trực tiếp. - Siêu âm bụng. - Siêu âm đàn hồi mô gan. - HBV đo tải lượng.
124	Viêm gan siêu vi B cấp	- Tổng phân tích tế bào máu. - Hbsag, anti HBC (IGM). - HBV DNA định lượng. - Ure, Creatinin, AST, ALT. - Bilirubin T, D, I. - PT, APTT, Fibrinogen, INR. - Siêu âm bụng.
125	Viêm gan siêu vi B mạn	- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi. - Đo hoạt độ AST, ALT, HBsAg, HBeAg, HBeAb. - Định lượng AFP, Ure, Creatinin. - Siêu âm ổ bụng. - Bilirubin T, D, I. - PT, APTT, Fibrinogen, INR. - Albumin, protein.

126	Viêm gan siêu vi C mạn	- Tổng phân tích tế bào máu. - Anti HCV. - HCV RNA định lượng. - AST, ALT, Bilirubin T, D, I, PT, APTT, Fibrinogen, INR, Albumin, protein. - AFP, Ure, Creatinin. - Siêu âm bụng. - Fibroscan. - Genotype HCV.
127	Viêm giác mạc	- Tổng phân tích tế bào máu.
128	Viêm kết mạc nhầy mù	- Tổng phân tích tế bào máu.
129	Viêm khớp dạng thấp	- Các xét nghiệm cơ bản: tế bào máu ngoại vi, tốc độ máu lắng, CRP..., xét nghiệm chức năng gan, thận, X-quang tim phổi, điện tâm đồ... - Đo mật độ loãng xương. - Siêu âm khớp. - Các xét nghiệm đặc hiệu (có giá trị chẩn đoán, tiên lượng): + Yếu tố dạng thấp (RF) dương tính trong 60 - 70 % bệnh nhân. + Anti CCP dương tính trong 75 - 80 % bệnh nhân. + Xquang khớp (thường chụp hai bàn tay thẳng hoặc các khớp bị tổn thương).
130	Viêm loét đại tràng	- Khảo sát phân, siêu âm bụng. - Tổng phân tích tế bào máu. - X quang đại tràng. - Nội soi đại tràng. - Thăm dò theo nguyên nhân: CEA, CA19-9, CA 72-4.
131	Viêm màng hoạt dịch khớp gối mạn tính	- Bilan viêm: tốc độ máu lắng, CRP, tế bào máu ngoại vi. - RF; Anti-CCP. - Xét nghiệm dịch khớp: tế bào học, nhuộm soi tìm AFB, PCR-BK, nuôi cấy tìm vi khuẩn. - Siêu âm khớp gối. - Đo mật độ loãng xương.

		- XQ khớp gối thẳng nghiêng (hai bên để so sánh). - Nội soi, sinh thiết màng hoạt dịch. - Trường hợp nghi ngờ bệnh lý cột sống huyết thanh âm tính: xét nghiệm HLA- B27.
132	Viêm mô tế bào vùng mặt	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Glucose máu. - X-Quang răng toàn cảnh. - Siêu âm cơ phần mềm vùng có mặt.
133	Viêm nha chu	- Các xét nghiệm tiền phẫu: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, Glucose máu. - X-Quang răng toàn cảnh.
134	Viêm phế quản cấp	- Tổng phân tích tế bào máu, tổng phân tích nước tiểu. - Ure, creatinin, điện giải đồ. - Độ hoạt độ ALT (GPT), AST (GOT), CRP. - Tổng phân tích nước tiểu, đạm niệu. - Đường huyết, bộ mỡ máu. - ECG. - XQ tim phổi. - Siêu âm tim. - Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy).
135	Viêm phế quản mạn	- Tổng phân tích tế bào máu. - Đo chức năng hô hấp. - X- quang ngực. - Xét nghiệm đờm . - Phân tích các tế bào trong đờm. - Chụp cắt lớp độ phân giải cao (HRCT).
136	Viêm phổi	- Công thức máu, tổng phân tích nước tiểu. - Sinh hóa máu: Ure, Glucose, Creatinin, GOT, GPT, Cholesterol, Triglycerid, điện giải đồ, CRP, GGT - X-Quang tim phổi. - Đo chức năng hô hấp. - Khí máu động mạch. - ECG. - Siêu âm tim.
137	Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng	- Tổng phân tích tế bào máu. - Hóa sinh máu: CRP/Procalcitonin, Ure, Creatinin, Protein, Glucose, điện giải đồ, Canxi.

		- Cấy đờm. - Điện tim, SA tim. - X Quang tim phổi. - CT-Scanner lồng ngực.
138	Viêm ruột thừa	- Tổng phân tích tế bào máu, CRP, điện giải, Ure, Creatinine, Glucose, SGOT, SGPT, Amylase, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số. - Đông máu cơ bản, nhóm máu. - X-Quang bụng; X-Quang tim phổi. - Chụp CT scanner bụng không tiêm thuốc. - Điện tim.
139	Viêm tai giữa thủng nhĩ	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng, Schuller. - Điện tim.
140	Viêm tai xương chũm	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng, schuller. - CT-Scan: xương thái dương. - Điện tim.
141	Viêm tụy cấp	- Công thức máu, CRP, đường huyết, Creatinin, ALT, Bilirubin, AST, ALP, Cholesterol, Triglyceride, khí máu động mạch, CRP, LDH, Amylase. - X-Quang bụng, X-Quang phổi, siêu âm bụng, CT Scan cản quang. - Nội soi dạ dày.
142	Viêm tủy răng	- X-Quang răng toàn cảnh.
143	Viêm VA	- Tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - SGOT, SGPT, đường huyết, Ure, Creatinin. - Tổng phân tích nước tiểu. - XQ tim phổi thẳng. - Chụp cổ nghiêng xác định VA.
144	Xơ gan	- Hoá sinh máu: Ure, Creatinin, Protein, Albumin, SGOT, SGPT, GGT, Bilirubin toàn phần, Bilirubin trực tiếp, Glucose, Cholesterol, HDL, Triglycerid.

		- Điện giải đồ. - Hbsag, HCV ab test nhanh. - Tổng phân tích tế bào máu, tổng phân tích nước tiểu. - Xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, Fibrinogen. - Nội soi thực quản dạ dày. - Siêu âm ổ bụng, siêu âm đàn hồi gan. - CLVT.
145	Xuất huyết dạ dày-tả tràng	- Tổng phân tích tế bào máu. - Ure, Creatinin, điện giải đồ. - Nhóm máu, đông máu. - Tổng phân tích nước tiểu, đạm niệu. - Đường huyết, bộ mỡ máu. - ECG, Siêu âm tim. - XQ tim phổi. - Nội soi, siêu âm bụng.
146	Xuất huyết não	- Chụp cắt lớp vi tính (CLVT) sọ não. - Chụp mạch não (CT mạch não). - Các xét nghiệm huyết học và sinh hóa máu được tiến hành lấy mẫu ngay khi bệnh nhân nhập viện và qua khám lâm sàng, người thầy thuốc nghi ngờ bệnh nhân bị đột quỵ XHN, bao gồm: - Công thức máu, sinh hóa máu: điện giải đồ, Urê máu, Creatinine và Glucose, Cholesterol, Triglyceride. - Đông máu cơ bản: thời gian Prothrombin, INR, APTT cho tất cả bệnh nhân. - Troponin tim. - Sàng lọc độc tính để phát hiện Cocaine và các loại thuốc kích thích giao cảm khác. - Tổng phân tích nước tiểu và cấy nước tiểu. - Thử thai ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
147	Xuất huyết tiền phòng	- Tổng phân tích tế bào máu
148	Xuất huyết tiêu hóa	- Huyết học: tổng phân tích tế bào máu, đông máu, nhóm máu. - Sinh hóa: Urê máu, Creatinine huyết thanh, Glucose máu, điện giải đồ, SGOT, SGPT, Amylase.

		- Khí máu động mạch. - Siêu âm bụng. - Chụp XQ tim phổi. - Điện tim (ECG). - Nội soi tiêu hóa.
149	Viêm phần phụ, áp xe phần phụ	- Tổng phân tích tế bào máu, CRP, điện giải đồ, Ure, Creatinin, Glucose, SGOT, SGPT. - 10 thông số nước tiểu. - Siêu âm phần phụ. - Đông máu cơ bản. - Điện tim.
150	Áp xe vú	- Tổng phân tích tế bào máu, CRP, điện giải đồ, Ure, Creatinin, Glucose, SGOT, SGPT. - 10 thông số nước tiểu. - Siêu âm phần vú. - Đông máu cơ bản. - Điện tim.
151	Viêm tuyến Bartholin, áp xe tuyến Bartholin	- Tổng phân tích tế bào máu, CRP, điện giải đồ, Ure, Creatinin, Glucose, SGOT, SGPT. - 10 thông số nước tiểu. - Siêu âm phần phụ. - Đông máu cơ bản. - Điện tim.
152	Chửa trứng	- βHCG, CA 125. - Tổng phân tích tế bào máu. - XN nước tiểu. - Ure, Creatinin, Glucose, SGOT, SGPT. - Đông máu cơ bản. - Siêu âm tử cung, phần phụ. - XQ tim phổi.
153	Rong kinh, rối loạn kinh nguyệt	- Tổng phân tích tế bào máu. - XN nước tiểu. - Ure, Creatinin, Glucose, SGOT, SGPT. - Đông máu cơ bản. - Siêu âm tử cung, phần phụ.